

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

- Mã chứng khoán: VST
- Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 39404271, Fax:
- Email: congbothongtin@vitranschart.com.vn, Website: www.vitranschart.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét năm 2025:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ Báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán): ☒

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại? /

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 12/08/2025 tại đường dẫn: www.vitranschart.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Tổng hợp/ Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
- Văn bản giải trình số 174/TCKT ngày 12/08/2025

Người đại diện theo pháp luật
GIÁM ĐỐC



Trịnh Hữu Lương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	06-40
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 11 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch	
Ông Trịnh Hữu Lương	Thành viên	
Bà Mai Thị Thu Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2025
Ông Lê Duy Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2025
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc	
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Thanh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2025
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2025
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp này là ông Trịnh Hữu Lương - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trịnh Hữu Lương

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 05 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Tại thời điểm 30/06/2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 749,85 tỷ VND, lỗ lũy kế là 1.328,21 tỷ VND, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 621,56 tỷ VND. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 192 tỷ VND. Công ty chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. Căn cứ theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" ngày 17 tháng 01 năm 2023 thì Công ty đang ghi nhận thiếu chi phí phạt chậm trả là 29,306 tỷ VND. Việc ghi nhận thiếu khoản phạt chậm trả tại năm trước tiếp tục khiến trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025, chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh thừa cùng số tiền 29,306 tỷ VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		86.564.949.613	102.042.745.215
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.265.211.218	8.377.606.325
111	1. Tiền		9.265.211.218	8.377.606.325
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.164.782.175	68.637.789.967
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		164.122.591	164.122.591
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	6.837.497.341	1.995.332.181
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	26.327.284.834	75.676.373.321
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(164.122.591)	(9.198.038.126)
140	IV. Hàng tồn kho	9	25.485.745.420	23.109.102.882
141	1. Hàng tồn kho		25.485.745.420	23.109.102.882
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.649.210.800	1.918.246.041
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	5.872.690.321	1.058.183.392
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.776.520.479	860.062.649
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		257.730.391.395	224.423.563.737
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		99.303.102.187	54.303.095.975
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	80.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	19.303.102.187	54.303.095.975
220	II. Tài sản cố định		95.027.796.442	122.329.949.739
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	94.993.310.781	122.226.489.889
222	- Nguyên giá		1.251.117.698.186	1.251.011.208.186
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.156.124.387.405)	(1.128.784.718.297)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	34.485.661	103.459.850
228	- Nguyên giá		7.580.995.096	7.580.995.096
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.546.509.435)	(7.477.535.246)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	21.827.953.644	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		21.827.953.644	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.000.000.000	27.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		25.000.000.000	25.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.571.539.122	20.790.518.023
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.571.539.122	20.790.518.023
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		344.295.341.008	326.466.308.952

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu,
TP. Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		965.853.688.227	1.007.223.664.944
310	I. Nợ ngắn hạn		836.418.428.628	902.788.405.345
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	16.386.401.767	13.967.709.541
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	20.132.092.044	17.327.893.049
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	697.894.302	74.956.433
314	4. Phải trả người lao động		16.284.254.156	20.161.774.063
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	546.857.906.859	587.291.273.543
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	4.462.517.323	4.985.692.825
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	27.875.108.783	36.439.591.805
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	202.933.151.170	221.711.371.862
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		789.102.224	828.142.224
330	II. Nợ dài hạn		129.435.259.599	104.435.259.599
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	33.449.589.178	8.449.589.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	95.985.670.421	95.985.670.421
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(621.558.347.219)	(680.757.355.992)
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(621.558.347.219)	(680.757.355.992)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		689.993.370.000	689.993.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		689.993.370.000	689.993.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.731.245.480	11.731.245.480
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.328.211.947.776)	(1.387.410.956.549)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(1.387.410.956.549)	(1.595.082.861.152)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		59.199.008.773	207.671.904.603
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		344.295.341.008	326.466.308.952

Lê Kim Phụng
Người lập/Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc Tài chínhTrịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	77.197.619.595	96.853.550.494
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		77.197.619.595	96.853.550.494
11	4. Giá vốn hàng bán	24	64.185.933.793	85.816.428.986
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.011.685.802	11.037.121.508
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	18.020.089.995	6.048.321.124
22	7. Chi phí tài chính	26	12.117.583.937	19.394.376.371
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.555.435.216	18.255.518.299
25	8. Chi phí bán hàng	27	1.264.249.988	2.001.847.972
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	10.417.872.091	8.599.727.692
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.232.069.781	(12.910.509.403)
31	11. Thu nhập khác	29	54.676.394.611	190.516.750.420
32	12. Chi phí khác	30	2.709.455.619	389.532.000
40	13. Lợi nhuận khác		51.966.938.992	190.127.218.420
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		59.199.008.773	177.216.709.017
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		59.199.008.773	177.216.709.017


Lê Kim Phụng
Người lập/Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc Tài chínhTrịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		59.199.008.773	177.216.709.017
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		27.803.643.297	30.328.300.477
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		39.614.057	1.990.370
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.572.470.642)	(5.419.731.040)
06	- Chi phí lãi vay		11.555.435.216	18.255.518.299
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(54.075.754.180)	(190.368.865.079)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.949.476.521	30.013.922.044
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		75.260.140.409	11.217.277.902
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.376.642.538)	(1.461.523.021)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		17.088.204.074	(1.195.176.276)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.548.475.513	9.145.206.754
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.958.220.692)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.040.000)	(399.149.580)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		112.472.393.287	47.320.557.823
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(25.384.650.604)	(8.848.164.599)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		21.818.182	7.407.407
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(91.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.284.378.488	5.412.323.633
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(98.078.453.934)	(3.428.433.559)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(13.520.000.000)	(47.900.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.520.000.000)	(47.900.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		873.939.353	(4.007.875.736)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu,
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.377.606.325	6.725.544.577
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.665.540	298.661
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>9.265.211.218</u>	<u>2.717.967.502</u>

**Lê Kim Phụng**

Người lập/Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Trịnh Hữu Lương

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 11 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký và thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 689.993.370.000 VND; tương đương 68.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 55 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 51 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế, dịch vụ tiếp vận, dịch vụ khai thuê hải quan, cho thuê kho bãi, container, dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới thuê tàu biển, cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa, dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 749,85 tỷ VND, lỗ lũy kế là 1.328,21 tỷ VND, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 621,56 tỷ VND. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 192 tỷ VND. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 541 tỷ VND.

Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Hiện tại, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp về kinh doanh - thị trường để gia tăng lợi nhuận, Công ty cũng đã đạt thỏa thuận tái cơ cấu tài chính với các ngân hàng và đã được miễn giảm nghĩa vụ trả nợ trong năm 2024 với giá trị 190,37 tỷ VND, 6 tháng đầu năm 2025 với giá trị 54,41 tỷ VND và 6 tháng cuối năm 2025 dự kiến là 251 tỷ VND. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty có xu hướng phát triển tốt khi mà lợi nhuận gộp đạt 13 tỷ VND, tương ứng mức tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước. Với các kế hoạch và định hướng đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù

Trong kỳ, Công ty đã thỏa thuận mua bán nợ thành công khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM chuyển sang chủ nợ là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam đồng thời hoàn thành xong nghĩa vụ theo thỏa thuận mua bán nợ và được giảm trừ và xóa nghĩa vụ nợ phải trả với số tiền là 54,4 tỷ VND, Công ty đang ghi nhận vào khoản thu nhập khác (thuyết minh số 29).

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có đơn vị trực thuộc sau:**

Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm E-Logistics và Công nghệ thông tin hàng hải Việt Xanh (VIETGREEN CENTER)

Địa chỉ

Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin hàng hải

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính tổng hợp này nên đọc các Báo cáo tài chính tổng hợp kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa của các tàu.

Chi phí quảng cáo của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 06 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền lương thuyền viên,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	14.772.000	14.772.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.250.439.218	8.362.834.325
+ <i>Tiền Việt Nam</i>	3.310.484.237	2.887.836.275
+ <i>Ngoại tệ</i>	5.939.954.981	5.474.998.050
	9.265.211.218	8.377.606.325

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.000.000.000	-	-	-
	11.000.000.000	-	-	-

Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 11 tỷ VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên
- Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Tp Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Vận tải tàu biển
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	Tp Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Thang máy Việt Trí	-	-	441.311.200	-
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải Đại dương	-	-	306.707.000	-
Eol Shipping Limited	-	-	1.051.742.456	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí	6.437.322.687	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	400.174.654	-	195.571.525	-
	6.837.497.341	-	1.995.332.181	-

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	<i>80.000.000.000</i>	-	<i>80.000.000.000</i>	-
- Công ty Cổ phần Quản lý Tàu biển Hải Đăng	-	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000	-
	-	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/VTC-Haidang ngày 23/05/2025, với các điều khoản chi tiết sau:

- Giá trị khoản vay: 80 tỷ VND;
- Mục đích vay: bổ sung vốn đầu tư mua tàu HD SUN (tên cũ: ARKI);
- Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày nhận tiền vay;
- Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	575.556.165	-	1.309.282.193	-
Tạm ứng	2.039.571.752	-	2.435.420.603	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	34.000.000.000	-
Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa con tàu Vinashin Eagle	-	-	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Chi hộ chi phí tàu và thuyền viên các công ty con	20.486.659.791	-	28.169.580.357	-
Phải thu bảo hiểm tàu Glory gặp sự cố	2.807.672.488	-	-	-
Phải thu khác	417.824.638	-	728.174.633	-
	26.327.284.834	-	75.676.373.321	(9.033.915.535)
a2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	18.600.672.684	-	28.169.580.357	-
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC	1.885.987.107	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	-	-	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Các đối tượng khác	5.840.625.043	-	38.472.877.429	-
	26.327.284.834	-	75.676.373.321	(9.033.915.535)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ (*)	19.303.102.187	-	19.303.095.975	-
Ứng trước chi phí thuyền viên	-	-	35.000.000.000	-
	19.303.102.187	-	54.303.095.975	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu,
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính tổng hợp**

giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH	1.930.987.107	-	35.000.000.000	-
Cung ứng thuyền viên SCC				
Công ty TNHH	18.600.672.684	-	28.169.580.357	-
Quản lý tàu biển Hải Đăng				
	20.531.659.791	-	63.169.580.357	-

(*) Khoản ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster. Hợp đồng hợp tác đầu tư lập ra pháp nhân mới là Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận để thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản ký quỹ này đã được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam phong tỏa. Xem thêm tại Thuyết minh số 04 - Các khoản đầu tư tài chính và Thuyết minh số 19 - Phải trả khác.

8 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin			9.033.915.535	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Thiên An	164.122.591	-	164.122.591	-
	164.122.591	-	9.198.038.126	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.065.435.662	-	21.061.376.757	-
Công cụ, dụng cụ	2.420.309.758	-	2.047.726.125	-
	25.485.745.420	-	23.109.102.882	-

10 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
- Chi phí lên đà sửa chữa lớn tàu VTC PHOENIX và VTC DRAGON	21.827.953.644	-
	21.827.953.644	-

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	8.191.134.400	5.276.998.182	1.230.511.211.151	7.031.864.453	1.251.011.208.186
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	501.490.000	-	-	-	501.490.000
- Thanh lý, nhượng bán	(395.000.000)	-	-	-	(395.000.000)
Số dư cuối kỳ	8.297.624.400	5.276.998.182	1.230.511.211.151	7.031.864.453	1.251.117.698.186
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	8.191.134.400	5.081.843.974	1.108.735.079.608	6.776.660.315	1.128.784.718.297
- Khấu hao trong kỳ	36.867.530	65.702.720	27.495.482.874	136.615.984	27.734.669.108
- Thanh lý, nhượng bán	(395.000.000)	-	-	-	(395.000.000)
Số dư cuối kỳ	7.833.001.930	5.147.546.694	1.136.230.562.482	6.913.276.299	1.156.124.387.405
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	195.154.208	121.776.131.543	255.204.138	122.226.489.889
Tại ngày cuối kỳ	464.622.470	129.451.488	94.280.648.669	118.588.154	94.993.310.781

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 94.280.648.669 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 286.797.912.863 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	7.580.995.096	7.580.995.096
Số dư cuối kỳ	<u>7.580.995.096</u>	<u>7.580.995.096</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	7.477.535.246	7.477.535.246
- Khấu hao trong kỳ	68.974.189	68.974.189
Số dư cuối kỳ	<u>7.546.509.435</u>	<u>7.546.509.435</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	103.459.850	103.459.850
Tại ngày cuối kỳ	<u>34.485.661</u>	<u>34.485.661</u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm đội tàu, hỏa hoạn	1.056.488.112	951.716.899
Chi phí sửa chữa thường xuyên	2.695.822.721	6.865.000
Chi phí quảng cáo	2.120.379.488	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	99.601.493
	<u>5.872.690.321</u>	<u>1.058.183.392</u>
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*)	14.512.325.585	20.676.309.046
Công cụ dụng cụ xuất dùng	53.371.931	105.873.667
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.841.606	8.335.310
	<u>14.571.539.122</u>	<u>20.790.518.023</u>

(*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà).

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế PS	-	-	1.575.981.762	1.575.981.762
Công ty TNHH TM & DV Hồng Thư	-	-	216.389.424	216.389.424
Công ty TNHH Hoa Thiên Sứ	1.997.038.000	1.997.038.000	1.176.792.000	1.176.792.000

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp)

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TMDV Chi Phong	1.826.308.000	1.826.308.000	594.238.000	594.238.000
Công ty TNHH TMDV Tuấn Anh	-	-	514.221.664	514.221.664
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	-	-	2.892.801.339	2.892.801.339
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Cơ khí Dầu khí	3.526.119.268	3.526.119.268	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	9.036.936.499	9.036.936.499	6.997.285.352	6.997.285.352
	16.386.401.767	16.386.401.767	13.967.709.541	13.967.709.541

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Daedong Shipping Co., Ltd	20.132.092.044	9.632.655.746
- Chen Ship Management Pte., Ltd	-	7.695.237.303
	20.132.092.044	17.327.893.049

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	209.429.651	209.429.651	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	81.334.332	81.334.332	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	74.956.433	526.797.386	576.985.117	-	24.768.702
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.469.349.600	796.224.000	-	673.125.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	74.956.433	2.290.910.969	1.667.973.100	-	697.894.302

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	541.111.857.958	584.332.176.922
- Tiền ăn của thuyền viên	1.081.503.631	1.436.809.221
- Trích trước phân bổ chi phí sửa chữa lớn	1.584.502.002	-
- Trích trước chi phí sửa chữa thường xuyên	-	1.522.287.400
- Trích trước chi phí tổ chức sự kiện kỷ niệm 50 năm thành lập	602.568.663	-
- Trích trước chi phí phát sinh trên tàu	2.477.474.605	-
	546.857.906.859	587.291.273.543
Trong đó số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Chi phí lãi vay	541.111.857.958	584.332.176.922
	541.111.857.958	584.332.176.922

(*) Trong kỳ số lãi vay được xóa căn cứ theo biên bản xóa nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đối với khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) có giá trị là 49.154.628.488 VND. Tham chiếu thông tin tại thuyết minh số 20 - vay và thuyết minh số 29 - Thu nhập khác.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước(*)	4.462.517.323	4.985.692.825
	4.462.517.323	4.985.692.825

(*) Đây là doanh thu nhận trước chủ yếu của Deadong Shipping Co.,LTD về cung cấp dịch vụ vận tải biển.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	3.506.614.940	3.500.830.030
- Bảo hiểm xã hội	70.284.126	13.057.008
- Bảo hiểm y tế	24.018.050	73.097.517
- Bảo hiểm thất nghiệp	10.735.650	31.998.672
- Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược (1)	19.341.995.901	19.341.989.689
- Khoản được chi trả hộ	-	8.937.339.996
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.921.460.116	4.541.278.893
	27.875.108.783	36.439.591.805
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster (1)	19.341.995.901	19.341.989.689
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy không tính lãi	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC	-	8.937.339.996
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.533.112.882	6.160.262.120
	27.875.108.783	36.439.591.805
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	45.000.000	45.000.000
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix (2)	8.404.589.178	8.404.589.178
- Mượn tiền của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận (3)	25.000.000.000	-
	33.449.589.178	8.449.589.178
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC	45.000.000	8.937.339.996
	45.000.000	8.937.339.996

(1) Khoản nhận đặc cọc từ Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster nhằm mục tiêu mua lại phần sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận.

(2) Con tàu VTC Phoenix của Công ty do Công ty Đóng tàu Bạch Đằng đóng tuy nhiên chưa được quyết toán nên Công ty tạm tăng nguyên giá để đưa vào sản xuất kinh doanh. Số tiền 8,4 tỷ VND là khoản chênh lệch giữa giá trị tạm tăng và giá trị đã thanh toán cho nhà cung cấp.

(3) Khoản mượn tiền của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận có thời hạn 05 năm và không tính lãi suất. Khoản mượn tiền được đảm bảo hoàn trả từ lợi nhuận hình thành trong tương lai của hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster nhằm thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 . VAY

	Trong kỳ				30/06/2025	
	01/01/2025		Tăng		Giảm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND		VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn quá hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (*)	218.724.820.692	218.724.820.692	-	26.728.220.692	191.996.600.000	191.996.600.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Bắc (1)	25.208.220.692	25.208.220.692	-	25.208.220.692	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Bắc (1)	193.516.600.000	193.516.600.000	-	1.520.000.000	191.996.600.000	191.996.600.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (2)	2.986.551.170	2.986.551.170	19.950.000.000	12.000.000.000	10.936.551.170	10.936.551.170
	2.986.551.170	2.986.551.170	19.950.000.000	12.000.000.000	10.936.551.170	10.936.551.170
	221.711.371.862	221.711.371.862	19.950.000.000	38.728.220.692	202.933.151.170	202.933.151.170
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	25.208.220.692	25.208.220.692	-	25.208.220.692	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Bắc (1)	193.516.600.000	193.516.600.000	-	1.520.000.000	191.996.600.000	191.996.600.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (2)	98.972.221.591	98.972.221.591	19.950.000.000	12.000.000.000	106.922.221.591	106.922.221.591
	317.697.042.283	317.697.042.283	19.950.000.000	38.728.220.692	298.918.821.591	298.918.821.591
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(221.711.371.862)	(221.711.371.862)	(19.950.000.000)	(38.728.220.692)	(202.933.151.170)	(202.933.151.170)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	95.985.670.421	95.985.670.421			95.985.670.421	95.985.670.421

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 30/06/2025 (VND)	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản bảo đảm
				Nợ ngắn hạn (VND)	Nợ đã quá hạn thanh toán (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Vay dài hạn (VND)			
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc		191.996.600.000	-	191.996.600.000	-	-			
	Số 83/2011/HĐTDĐTSDBS- NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	6.730.000.000	-	6.730.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020	Tàu Viễn Đông 5 đã bán ngày 03/07/2019 . Hiện tại không còn tài sản bảo đảm
	Số 05/2005/HĐTD -TDTW ngày 28/07/2005	144 tháng	98.002.000.000	-	98.002.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 8/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - Tàu VTC Dragon
	Số 07/2006/HĐTDSĐ-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	87.264.600.000	-	87.264.600.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 11/2021	Tài sản được hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - VTC Phoenix

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp):

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 30/06/2025 (VND)	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản bảo đảm
				Nợ ngắn hạn (VND)	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn (VND)			
2	Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM		106.922.221.591	-	-	10.936.551.170	95.985.670.421			
	Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 20/12/2022. Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 17/01/2023.	36 tháng	106.922.221.591	-	-	10.936.551.170	95.985.670.421	Các khoản nợ đối với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn và Ngân hàng TMCP Bảo Việt phát sinh khi đầu tư mua tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	Đang trong hạn thanh toán	- Tàu chở hàng khô VTC Ocean, trọng tải 23.000 tấn, đóng năm 1999, nơi đóng Philippines. - Tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT
Tổng cộng			298.918.821.591	-	191.996.600.000	10.936.551.170	95.985.670.421			

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Trong kỳ số dư gốc vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) đã được chuyển giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Đồng thời số dư gốc vay được xóa căn cứ theo biên bản xóa nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đối với khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) có giá trị là 5.258.220.692 VND. Tham chiếu thông tin tại thuyết minh số 17 - Chi phí phải trả ngắn hạn và thuyết minh số 29 - Thu nhập khác.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2025		01/01/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Vay	191.996.600.000	541.111.857.958	218.724.820.692	584.332.176.922

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	669.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.595.082.861.152)	(908.429.260.595)
Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	207.671.904.603	207.671.904.603
Số dư cuối năm trước	689.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.387.410.956.549)	(680.757.355.992)
Số dư đầu năm nay	689.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.387.410.956.549)	(680.757.355.992)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	59.199.008.773	59.199.008.773
Số dư cuối kỳ này	689.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.328.211.947.776)	(621.558.347.219)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	298.880.000.000	43,32	298.880.000.000	43,32
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	76.361.000.000	11,07	80.000.000.000	11,59
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	20.135.000.000	2,92	20.195.000.000	2,93
Các cổ đông khác	294.617.370.000	42,70	290.918.370.000	42,16
	689.993.370.000	100,00	689.993.370.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu,
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính tổng hợp**

giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	689.993.370.000	669.993.370.000
- Vốn góp đầu kỳ	689.993.370.000	669.993.370.000
- Vốn góp cuối kỳ	689.993.370.000	669.993.370.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.999.337	68.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	68.999.337	68.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	68.999.337	68.999.337
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.999.337	68.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	68.999.337	68.999.337
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.731.245.480	11.731.245.480
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	16.571.972.557	16.571.972.557

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty được Nhà nước cho thuê một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh	1167 m ²	50 năm từ ngày 05/02/2013
2	438 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh	143,4 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.	431 m ²	50 năm từ ngày 31/12/2007

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	227.759,01	215.373,04

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin	9.033.915.535	
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	1.208.068.467	1.208.068.467
- Các khoản đã xóa nợ khác	7.472.240.260	7.472.240.260

23 . TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.197.619.595	96.853.550.494
	77.197.619.595	96.853.550.494
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	22.678.356.100	16.779.627.999

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	64.185.933.793	85.816.428.986
	64.185.933.793	85.816.428.986
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	1.051.200.000	1.898.480.000

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.474.800.544	3.937.939.429
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.075.851.916	1.474.384.204
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	469.437.535	635.997.491
	18.020.089.995	6.048.321.124
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	16.075.851.916	1.474.384.204

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.555.435.216	18.255.518.299
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	425.120.864	1.136.867.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	39.614.057	1.990.370
Chi phí tài chính khác	97.413.800	-
	12.117.583.937	19.394.376.371

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	1.264.249.988	2.001.847.972
	1.264.249.988	2.001.847.972

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.897.460	109.236.415
Chi phí nhân công	6.278.416.713	5.184.755.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.457.703	249.423.678
Thuế, phí, lệ phí	722.693.548	374.358.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.187.353.761	804.903.166
Chi phí khác bằng tiền	1.854.052.906	1.877.050.401
	10.417.872.091	8.599.727.692

29 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	21.818.182	7.407.407
Nghĩa vụ nợ được giảm khi thực hiện xong cam kết (*)	54.412.849.180	190.368.865.079
Thu nhập khác	241.727.249	140.477.934
	54.676.394.611	190.516.750.420

(*) Căn cứ văn bản xóa nợ ngày 02/07/2025 của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam liên quan khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) về việc giảm trừ nghĩa vụ nợ còn lại sau khi hoàn thành nghĩa vụ nợ theo cam kết, số tiền Công ty được giảm trừ và xóa nợ là 54,4 tỷ VND. Tham chiếu thông tin tại thuyết minh số 17 - Chi phí phải trả ngắn hạn và thuyết minh số 20 - Vay.

30 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay VDB-SGDII đối với tàu Viễn Đông 5 đã bán	337.095.000	389.532.000
Chi phí tổ chức sự kiện kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty	2.120.379.488	-
Chi phí khác	251.981.131	-
	2.709.455.619	389.532.000

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.199.008.773	177.216.709.017
Các khoản điều chỉnh giảm	(65.230.480.404)	(177.216.709.017)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(16.075.851.916)	(1.474.384.204)
- Thu nhập khác từ chi phí lãi vay được xóa nợ kỳ này do đã được loại khỏi chi phí tính thuế các kỳ trước	(49.154.628.488)	(164.767.038.385)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(10.975.286.428)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(6.031.471.631)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.733.967.629	5.585.592.475
Chi phí nhân công	17.732.787.424	26.630.968.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.803.643.297	30.328.300.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.542.543.333	3.012.484.744
Chi phí khác bằng tiền	22.055.114.189	30.860.658.320
	75.868.055.872	96.418.004.650

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền	9.250.439.218	-	-	9.250.439.218
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.327.284.834	19.303.102.187	-	45.630.387.021
Các khoản cho vay	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000
	35.577.724.052	99.303.102.187	-	134.880.826.239
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	8.362.834.325	-	-	8.362.834.325
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.642.457.786	54.303.095.975	-	120.945.553.761
	75.005.292.111	54.303.095.975	-	129.308.388.086

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	202.933.151.170	95.985.670.421	-	298.918.821.591
Phải trả người bán, phải trả khác	44.261.510.550	33.449.589.178	-	77.711.099.728
Chi phí phải trả	546.857.906.859	-	-	546.857.906.859
	794.052.568.579	129.435.259.599	-	923.487.828.178
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	221.711.371.862	95.985.670.421	-	317.697.042.283
Phải trả người bán, phải trả khác	50.407.301.346	8.449.589.178	-	58.856.890.524
Chi phí phải trả	587.291.273.543	-	-	587.291.273.543
	859.409.946.751	104.435.259.599	-	963.845.206.350

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty đang có khoản đầu tư vào Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster với các nội dung sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: liên doanh thành lập và điều hành một Công ty TNHH nhằm thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại Khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: thành lập Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận;
- Tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: vốn điều lệ là 20 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn bên Công ty là 10% tương đương 2 tỷ VND, bên Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster là 90% tương đương 18 tỷ VND;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Phân chia lợi nhuận của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận theo đúng tỷ lệ góp vốn;
- Kết quả kinh doanh đã được phân chia: Dự án vẫn trong giai đoạn triển khai nên vẫn chưa có doanh thu và lợi nhuận để chia;
- Tình hình của hợp đồng tại ngày 30/06/2025: Dự án vẫn đang được UBND thành phố Hồ Chí Minh rà soát trình tự, thủ tục dự án để thực hiện theo đúng quy định.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	76.401.465.330	796.154.265	77.197.619.595
Chi phí bộ phận trực tiếp	63.482.786.193	703.147.600	64.185.933.793
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.918.679.137	93.006.665	13.011.685.802
Tổng chi phí mua TSCĐ	501.490.000	-	501.490.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	344.295.341.008	-	344.295.341.008
Tổng tài sản	344.295.341.008	-	344.295.341.008
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	965.853.688.227	-	965.853.688.227
Tổng nợ phải trả	965.853.688.227	-	965.853.688.227

b) Theo khu vực địa lý

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.511.465.330	22.686.154.265	77.197.619.595
Tài sản bộ phận			344.295.341.008
Nợ phải trả bộ phận	3.876.320.798	961.977.367.429	965.853.688.227

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc sở dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Công ty con
Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Thành viên HĐQT
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban Ban kiểm soát
Bà Phan Thị Thanh Trang	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên Ban kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu,
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính tổng hợp****giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.678.356.100	16.779.627.999
Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC	308.356.100	249.019.999
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	22.370.000.000	16.530.608.000
Mua hàng hóa dịch vụ	1.051.200.000	1.898.480.000
Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên	1.051.200.000	1.898.480.000
Lợi nhuận được chia	16.075.851.916	1.474.384.204
Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)	16.075.851.916	1.474.384.204

Thu nhập của người quản lý chủ chốt

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Ông Huỳnh Nam Anh	330.290.047	283.790.838
Ông Trịnh Hữu Lương	332.120.380	294.554.753
Bà Mai Thị Thu Vân	275.904.267	230.278.065
Ông Lê Duy Dương	15.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Đình Tú	15.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Sang	30.000.000	30.000.000
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	121.402.622	-
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	234.861.300	183.924.663
Bà Vũ Thị Diệp	30.000.000	30.000.000
Bà Phan Thị Thanh Trang	12.000.000	-
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	4.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	24.000.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Lê Kim Phụng
Người lập/Kế toán trưởng**Mai Thị Thu Vân**
Phó Tổng Giám đốc Tài chính**Trịnh Hữu Lương**
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025